TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:105/2019/DS-PT
Ngày 10 – 4 – 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập
Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Trung
Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyện - Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2019/TLPT- DS ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 116/2018/DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 81/2019/QĐPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Thế T1, sinh năm 1950 (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông T1: Chị Đoàn Thị Hòa Kiêu, sinh năm 1979 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã N, huyện Đ, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1: Ông Phạm Minh Trí, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Trí Việt, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trang Thị L1 (đã chết)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Trang Thị L1:

1. Ông Trần Văn M1 (Vắng mặt)

2. Ông Trần Văn T2 (Vắng mặt)

3. Bà Trần Thị B (Vắng mặt)

4. Bà Trần Thị C (Vắng mặt)

5. Bà Trần Thị S, sinh năm 1962 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã N, huyện Đ, tỉnh C ..

6. Bà Trần Thị Ph (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện N, tỉnh C.

7. Ông Trần Văn X (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C.

8. Ông Trần Văn T3 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện N, tỉnh C

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông M1, ông T2, bà B, bà C, bà S, bà P, ông X, ông T3: Ông Châu Văn L2, sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp V, xã N, huyện Đ, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1956 (Vắng mặt)

2. Chị Đoàn Thị Hòa K, sinh năm 1979 (Có mặt)

3. Anh Đoàn Lý Như (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của anh Như: Ông Đoàn Thế T1 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã N, huyện Đ, tỉnh C ..

4. Ông Nguyễn Thành L2 (Vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Văn T4 (Vắng mặt)

6. Ông Lê Anh D (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh B ..

7. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh C (Vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: Khóm 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh C.

- *Người kháng cáo*: Ông Đoàn Thế T1, là nguyên đơn; chị Đoàn Thị Hòa Kiều, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo ông Đoàn Thế T1 trình bày:

Ông Đoàn Thế T1 khởi kiện yêu cầu bà Trang Thị L1 trả lại cho ông diện tích đất 2.356m^2, tọa lạc tại ấp V, xã N, huyện Đ, tỉnh C. Vị trí: Phía Đông giáp sông Vàm Đầm; phía Tây giáp đất ông Đoàn Thế T1; phía Nam giáp đất của bà Đào Thanh Thúy, ông Đoàn Văn Kiều, bà Đỗ Thị Thơ, bà Trang Thị L1; phía Bắc giáp đất ông Đoàn Thế T1.

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Đào Văn Tuội và con là Đào Văn Tùng. Sau đó ông Tuội và ông Tùng chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thành L2 diện tích ngang mặt hậu là 45 tầm, mặt tiền là 48 tầm, chiều dài hai bên bằng 97 tầm, tổng diện tích 3,5ha (chỉ tính đất nuôi tôm, không tính đất lập vườn và thổ

cư), với giá sang nhượng là 20 chỉ vàng 24k. Ông L2 cho ông T4 và ông D quản lý sử dụng; ông T4 và ông D sản xuất không hiệu quả nên đến năm 1990 chuyển nhượng cho ông Đoàn Thế T1 toàn bộ diện tích đất trên với giá 25 chỉ vàng 24k, ông T1 nuôi tôm và trồng rừng. Năm 1993 ông T1 được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; năm 2003 ông được cấp đổi lại quyền sử dụng đất diện tích 33.170m^2. Đến năm 2010 ông T1 mới biết đất ông đang sử dụng được cấp cho bà Trang Thị L1 nên phát sinh tranh chấp. Hiện nay bà L1 đã chết, phần đất tranh chấp do bà S (con bà L1) đang quản lý sử dụng nên yêu cầu bà S trả lại diện tích đất 2.356m^2 cho ông.

Đối với khu vực mồ mã của gia đình bà L1 trên phần đất tranh chấp, nếu Tòa án giải quyết phần đất thuộc về gia đình ông thì ông vẫn cho chôn nhờ, khi nào gia đình của bà L1 có điều kiện thì di dời. Đối với cây mắm trên phần đất tranh chấp ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo ông Châu Văn Loan trình bày:

Nguồn gốc phần đất là của bà Trang Thị L1 (mẹ vợ ông), gia đình bà L1 ở trên phần đất tranh chấp qua hai thời kỳ kháng chiến chống Pháp và Mỹ. Trước khi ông T1 sang nhượng đất thì trên phần đất tranh chấp đã có 02 ngôi mộ của ông bà nội ông. Bà L1 quản lý sử dụng đất ổn định, được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/9/1994 diện tích 20.900m^2, thửa số 120, 123, tại tờ bản đồ số 09. Từ khi được cấp quyền sử dụng đất, gia đình bà L1 canh tác và sản xuất ổn định; đến năm 1995 gia đình bà L1 đã chôn cất 08 người thân trên phần đất tranh chấp tại thửa số 120, diện tích là 3.500m^2. Đến năm 2015 bà L1 chết, phần đất do bà L1 đứng tên quyền sử dụng đất anh em thống nhất giao cho bà Trần Thị S quản lý sử dụng. Đối với yêu cầu của ông T1, ông không đồng ý. Đối với cây mắm trên phần đất tranh chấp ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Trần Thị Sót thống nhất với lời trình bày của ông Loan.

- Bà Vũ Thị H thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Đoàn Thế T1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 116/2018/DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Thế T1, buộc bà Trần Thị S là người đang quản lý diện tích đất do bà Trang Thị L1 để lại trả cho ông diện tích đất 2.356m^2 tọa lạc tại ấp V, xã N, huyện Đ, tỉnh C.

Giữ nguyên diện tích đất 2.356m^2 cho bà Trần Thị S tiếp tục quản lý, sử dụng. Có vị trí tứ cận:

- Phía Đông: Giáp sông Vàm Đầm điểm M1M2 = 14,1m.

- Phía Tây: Giáp đất ông Đoàn Thế T1 điểm M7M8 = 18.9m.

- Phía Nam: Giáp phần đất bà Đào Thanh Thúy, ông Đoàn Văn Kiều và bà Đỗ Thị Thơ, bà Trang Thị L1 điểm M2M3 = 38,5m; điểm M3M5 = 51.2m; điểm M5M6 = 20m; điểm M6M7 = 20.5m.

- Phía Bắc: Giáp phần đất ông Đoàn Thế T1 điểm M1M4 = 41.7m; điểm M4M11 = 35.8m; điểm M11M10 = 15.3m; điểm M9M10 = 11.9m; điểm M8M9 = 5.7m. (có sơ đồ đo đạc kèm theo)

Ngoài ra**,** án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/12/2018 chị Đoàn Thị Hòa K có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Thế T1, buộc bà L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả lại phần đất diện tích 2.356m^2 cho ông T1.

Ngày 24/12/2018 ông Đoàn Thế T1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T1, buộc bà L1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả lại phần đất diện tích 2.356m^2 cho ông T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Đoàn Thị Hòa K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của chị K và kháng cáo của ông T1.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1 phát biểu: Việc đo đạc đối với phần đất tranh chấp có sai sót vị trí tứ cận, khi đo đạc không có người giáp ranh là Đào Thanh Thúy ký tên. Tại biên bản phiên tòa sơ thẩm, ông Loan xác định cây trồng trên đất ông T1 trồng chỉ vài cây, còn lại gia đình ông trồng nhưng cấp sơ thẩm không kiểm kê số cây trồng trên phần đất tranh chấp. Ông D, ông T4 xác định chỉ không sang khu mồ mã; từ trước khi sang nhượng, đến khi sang nhượng và đến nay trên đất có mồ mã gia đình bà L1, gia đình ông Hai Tất, đất không sử dụng. Qua xác minh những người địa phương đều xác định phần đất tranh chấp nằm trong quyền sử dụng của ông T1, trên đất ông T1 có trồng cây đến nay đường kính khá lớn. Đối chiếu sơ đồ sang nhượng đất giống nhau, nếu căn cứ vào quyền sử dụng đất, mồ mã trên đất và công văn của Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi để xác định phần đất tranh chấp của bà L1 là chưa có căn cứ. Tại bản án dân sự phúc thẩm số 128/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau nhận định phần đất thửa 120 không phải của bà L1 nên đã bác yêu cầu của bà kiện bà Bán. Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T1, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T1.

- Chị K thống nhất với ý kiến phát biểu và đề nghị của Luật sư.

- Ông L2 trình bày: Trước đây ông T1 không có tranh chấp với bà L1 phần đất này, mà khi bà L1 kiện bà Bán bà L1 thua kiện thì ông T1 mới kiện bà L1. Trên phần đất có nhiều ngôi mộ của gia đình bà L1 được chôn trên đất trước khi ông T1 sang nhượng đất, bà L1 được cấp quyền sử dụng đất từ năm 1994. Ông T4, ông D xác định khi sang nhượng đất cho ông T1 trên đất đã có khu mồ mã, khu mồ mã không có sang nhượng. Đối với cây đước trên đất có phải do ông T1 trồng hay

không hay do trái đước rụng tự lên. Trước đây gia đình bà L1 còn hiến cho xã 8.000m^2 đất để xây dựng trường học thì cớ gì bà L1 phải hỏi ông T1 mượn đất để chôn người thân. Dó đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T1 và chị K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn Thế T1 và chị Đoàn Thị Hòa K, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 116/2018/DS-ST ngày 10/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông T1 khởi kiện yêu cầu bà L1 trả lại phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 2.356m^2 tọa lạc tại ấp Vàm Đầm, xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau. Quá trình giải quyết vụ án bà L1 đã chết, phần đất tranh chấp do bà Trần Thị Sót là con bà L1 đang quản lý sử dụng nên ông T1 yêu cầu buộc bà S trả lại đất. Do bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T1 nên ông T1 và chị K có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T1. Xét kháng cáo của ông T1 và chị K, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Về nguồn gốc phần đất tranh chấp: Ông T1 cho rằng là của ông T1 sang nhượng lại của ông T4 và ông D vào năm 1990. Ông Loan cho rằng là của gia đình bà L1, gia đình bà L1 đã sinh sống trên phần đất này từ thời Pháp thuộc đến nay; trước khi ông T1 sang nhượng đất của ông T4, ông D đã có mộ của cha mẹ chồng và người thân của bà L1 chôn cất trên phần đất này rất lâu. Phía ông T1 cũng thừa nhận khi ông sang nhượng đất của ông T4, ông D thì trên phần đất tranh chấp này đã có mộ người thân của bà L1 chôn trên phần đất.

[3] Xét về quá trình quản lý sử dụng đối với phần đất tranh chấp: Từ khi được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất năm 1994 gia đình bà L1 vẫn quản lý sử dụng ổn định phần đất này; từ thời điểm ông T1 sang nhượng phần đất của ông T4, ông D thì thời gian sau đó phía gia đình bà L1 vẫn chôn cất người thân trên phần đất tranh chấp và tính đến năm 2015 bà L1 chết thì trên phần đất tranh chấp có trên 10 ngôi mộ của gia đình và người thân của bà L1. Như vậy, chứng minh gia đình bà L1 đã có quá trình quản lý sử dụng đối với phần đất tranh chấp. Việc ông T1 cho rằng do tình nghĩa nên ông T1 cho bà L1 mượn đất chôn nhờ người thân trên phần đất tranh chấp là không có cơ sở, bởi lẽ: Ngoài phần đất tranh chấp tại thửa 120 bà L1 còn được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất tại thửa 123 diện tích 17.400m^2 và trước khi ông T1 sang nhượng đất của ông T4, ông D thì trên phần đất tranh chấp này phía bà L1 đã có chôn cất người thân trên đất. Mặt khác, tại tờ nhượng nhân công ngày 19/7/1988 của ông Tuội, ông Tùng sang nhượng cho ông T4 và ông D thể hiện diện tích đất sang nhượng không có khu mồ mã. Qua xác minh làm việc với ông Nguyễn Thành L2, ông Nguyễn Văn T4 và ông Lê Anh D thì cả ông L2,

ông T4, ông D đều xác định khu vực mồ mã trên đất có từ trước, khi sang nhượng đất không có sang khu mồ mã và xác định khu mồ mã là của gia đình bà L1.

Hơn nữa, quá trình đăng ký kê khai cấp quyền sử dụng đất, ông T1 cũng thừa nhận khi đăng ký kê khai xin cấp quyền sử dụng đất ông không đăng ký kê khai khu vực đất mồ mã; đến năm 2003 khi tách quyền sử dụng đất cho con ông là Đoàn Lý Như thì ông T1 cũng không đăng ký kê khai thêm đối với phần đất tranh chấp.

Tại Công văn số 3198/UBND – VP ngày 08/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi về việc cung cấp thông tin đối với phần đất tranh chấp thể hiện: Ông T1 được Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi cấp quyền sử dụng đất vào năm 1993 với diện tích là 33.170m^2 tại ấp Vàm Đầm, xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi gồm các thửa số 117, 118, 119 thuộc tờ bản đồ số 09. Qua xem xét trên bản đồ và sổ mục kê được lập theo chỉ thị 299/TTG ngày 10 tháng 11 năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký ruộng đất thì bà L1 được Nhà nước cấp quyền sử dụng đất vào năm 1994 với diện tích 20.900m^2 gồm các thửa 120 và 123, tờ bản đồ 09. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L1 tại thửa số 120 với diện tích 3.500m^2 là phù hợp với Luật đất đai. Tuy nhiên trong quá trình lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận thì trên danh sách đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại ghi thiếu thửa 120 đó là do sai sót của cán bộ tham mưu khi thực hiện hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ dân.

[4] Với những căn cứ nêu trên, xét thấy án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Thế T1 là có căn cứ. Đối với số cây mắm trên phần đất tranh chấp ông T1, ông L2 và bà S thống nhất không yêu cầu giải quyết nên cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp. Xét về tư cách tham gia tố tụng của bà Trần Thị S, do phần đất tranh chấp hiện do bà S đang quản lý sử dụng; nhưng cấp sơ thẩm chỉ đưa bà S tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà L1 mà không đưa tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là có thiếu sót, vi phạm về tố tụng. Tuy nhiên, xét vi phạm này của cấp sơ thẩm cũng không làm thay đổi việc giải quyết vụ án, nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm, chỉ nêu ra để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[5] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông T1 và chị K, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T1 là người cao tuổi nên được miễn chịu án phí, đã dự nộp được nhận lại; chị K phải chịu theo quy định pháp luật.

[7] Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn Thế T1 và chị Đoàn Thị Hòa K.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 116/2018/DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Thế T1 về việc buộc bà Trần Thị S là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Trang Thị L1 đang quản lý phần đất do bà L1 để lại trả cho ông T1 diện tích đất theo đo đạc thực tế 2.356m^2, tọa lạc tại ấp Vàm Đầm, xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Giữ nguyên phần đất diện tích 2.356m^2 cho bà Trần Thị S tiếp tục quản lý, sử dụng. Phần đất có ranh giới, kích thước: Phía Đông giáp sông Vàm Đầm, điểm M1M2 = 14,1m; phía Tây giáp đất ông Đoàn Thế T1, điểm M7M8 = 18.9m; phía Nam giáp phần đất bà Đào Thanh Thúy, ông Đoàn Văn Kiều và bà Đỗ Thị Thơ, bà Trang Thị L1, điểm M2M3 = 38,5m, điểm M3M5 = 51.2m, điểm M5M6 = 20m, điểm M6M7 = 20.5m; phía Bắc giáp phần đất ông Đoàn Thế T1 điểm M1M4 = 41.7m, điểm M4M11 = 35.8m, điểm M11M10 = 15.3m, điểm M9M10 = 11.9m, điểm M8M9 = 5.7m.

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo)

Chi phí thẩm định, định giá ông Đoàn Thế T1 phải chịu 5.000.000 đồng. Ông T1 đã dự nộp 6.500.000 đồng, đối trừ được nhận lại 1.500.000 đồng (đã nhận lại xong).

Án phí dân sự sơ thẩm ông Đoàn Thế T1 được miễn chịu án phí. Ngày 20/12/2013 và ngày 24/3/2014 ông T1 đã dự nộp số tiền 931.500 đồng và 428.000 đồng tại biên lai số 07475 và 07733 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đoàn Thế T1 được miễn chịu án phí, ngày 26/12/2018 ông T1 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008894 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại.

Chị Đoàn Thị Hòa K phải chịu 300.000 đồng; ngày 24/12/2018 chị K đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008891 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập

Các thành viên Hội đồng xét xử

Phạm Việt Trung - Huỳnh Văn Út

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành L2

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 15 giờ 20 phút, 10 tháng 4 năm 2019
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau
Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành L2
Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Trung
Ông Huỳnh Văn Út

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý 57/2019/TLPT- DS ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Thế T1, sinh năm 1950

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông T1: Chị Đoàn Thị Hòa Kiêu, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã N, huyện Đ, tỉnh C ..

- *Bị đơn:* Bà Trang Thị L1

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Trang Thị L1:

1. Ông Trần Văn M1

2. Ông Trần Văn T2

3. Bà Trần Thị Bấu

4. Bà Trần Thị C

5. Bà Trần Thị Sót, sinh năm 1962

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã N, huyện Đ, tỉnh C ..

6. Bà Trần Thị Phính

Địa chỉ: Ấp Nhà Luận, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

7. Ông Trần Văn X

Địa chỉ: Ấp Thuận Thành, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau

8. Ông Trần Văn T3

Địa chỉ: Ấp Chợ Thủ, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1956

2. Chị Đoàn Thị Hòa Kiêu, sinh năm 1979

3. Anh Đoàn Lý Như

Địa chỉ: Ấp V, xã N, huyện Đ, tỉnh C ..

4. Ông Nguyễn Thành L2

5. Ông Nguyễn Văn T4

6. Ông Lê Anh D

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh B ..

7. Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà M2

Địa chỉ trụ sở: Khóm 1, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau

.Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Kết quả biểu quyết 3/3 những vấn đề sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đoàn Thế T1 và chị Đoàn Thị Hòa Kiều.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 116/2018/DS-ST ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Thế T1 về việc buộc bà Trần Thị Sót là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Trang Thị L1 đang quản lý phần đất do bà L1 để lại trả cho ông T1 diện tích đất theo đo đạc thực tế 2.356m^2, tọa lạc tại ấp Vàm Đầm, xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Giữ nguyên phần đất diện tích 2.356m^2 cho bà Trần Thị Sót tiếp tục quản lý, sử dụng. Phần đất có ranh giới, kích thước: Phía Đông giáp sông Vàm Đầm, điểm M1M2 = 14,1m; phía Tây giáp đất ông Đoàn Thế T1, điểm M7M8 = 18.9m; phía Nam giáp phần đất bà Đào Thanh Thúy, ông Đoàn Văn Kiều và bà Đỗ Thị Thơ, bà Trang Thị L1, điểm M2M3 = 38,5m, điểm M3M5 = 51.2m, điểm M5M6 = 20m, điểm M6M7 = 20.5m; phía Bắc giáp phần đất ông Đoàn Thế T1 điểm M1M4 = 41.7m, điểm M4M11 = 35.8m, điểm M11M10 = 15.3m, điểm M9M10 = 11.9m, điểm M8M9 = 5.7m.

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo)

Chi phí thẩm định, định giá ông Đoàn Thế T1 phải chịu 5.000.000 đồng. Ông T1 đã dự nộp 6.500.000 đồng, đối trừ được nhận lại 1.500.000 đồng (đã nhận lại xong).

Án phí dân sự sơ thẩm ông Đoàn Thế T1 được miễn chịu án phí. Ngày 20/12/2013 và ngày 24/3/2014 ông T1 đã dự nộp số tiền 931.500 đồng và 428.000 đồng tại biên lai số 07475 và 07733 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đoàn Thế T1 được miễn chịu án phí, ngày 26/12/2018 ông T1 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008894 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại.

Chị Đoàn Thị Hòa Kiều phải chịu 300.000 đồng; ngày 24/12/2018 chị K đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008891 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 40 phút, ngày 10 tháng 4 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Các thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Việt Trung - Huỳnh Văn Út **Nguyễn Thành L2**